

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-PT

Ngày 30/6/2020

*“V/v Tranh chấp thay đổi người  
trực tiếp nuôi con sau ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

***-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hà.

*Các thẩm phán:* Bà Hoàng Thị Thu Hiền;

Ông Ong Thân Thắng.

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2020/TLPT-HNGĐ ngày 07/5/2020, về việc “Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn”.

Do bản án sơ thẩm số 08/2020/HNGĐ-ST ngày 25/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐ-PT ngày 02/6/2020 giữa các đương sự:

**\*Nguyên đơn:** Anh Trần Văn S; sinh năm 1987. (có mặt)

Nơi cư trú: thôn Dinh Thắm, xã Cao X, huyện T, tỉnh B.

**\*Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Ch; sinh năm 1993. (có mặt).

Nơi cư trú: thôn 284, xã Quế Nham, huyện T, tỉnh B;

**\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Ch:** Bà Lê Thị Ngọc Lý- Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Phan Tiên- Đoàn luật sư tỉnh B. (Có mặt).

**\* Người kháng cáo:** Chị Nguyễn Thị Ch- là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

*Tại đơn khởi kiện, và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn anh Trần Văn S trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị Ch được Tòa án nhân dân huyện T giải quyết ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 33/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20/3/2018. Khi ly hôn anh chị đã thỏa thuận để chị Ch nuôi dưỡng con chung là Trần Thu Tr, sinh ngày 24/6/2016.

Trong thời gian cháu Tr ở với chị Ch, cháu bị ốm nhưng chị Ch không đưa đi viện chữa bệnh, chị Ch tái hôn với người khác nhưng không mang con theo để nuôi dưỡng mà để cho mẹ đẻ của chị nuôi. Nay anh yêu cầu được thay đổi người nuôi con, anh đề nghị Toà án giao cháu Tr cho anh nuôi dưỡng.

Tại thời điểm anh và chị Ch ly hôn, cháu Tr chưa được 36 tháng tuổi nên anh chấp nhận để cháu ở với mẹ. Nay cháu đã hơn 36 tháng tuổi, chị Ch đã tái hôn và đã có con riêng nên không có đủ điều kiện chăm sóc cháu Tr. Còn anh thì chưa tái hôn và có điều kiện chăm sóc cháu nên anh giữ nguyên yêu cầu Toà án giao cháu Tr cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

***Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo và tại phiên toà bị đơn là chị Nguyễn Thị Ch trình bày:***

Năm 2014, chị kết hôn với anh Trần Văn S và đã có một con chung là Trần Thu Tr, sinh ngày 24/6/2016. Năm 2018, anh chị thuận tình ly hôn và thỏa thuận chị trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Từ đó đến nay, sức khỏe, cuộc sống, học tập của cháu vẫn tốt, không có vấn đề gì. Năm 2019, chị kết hôn với anh Nguyễn Thanh B, cháu Tr cùng với chị về nhà anh B chung sống. Hiện nay, chị làm công nhân thu nhập trên 5.000.000đồng/tháng và có thời gian chăm sóc con, chị cũng mới sinh con chung với anh B tháng 10/2019. Bố mẹ chồng của chị cũng có thời gian giúp chị chăm sóc cháu. Còn anh S không có điều kiện nuôi con đã không cấp dưỡng nuôi con cho chị trong thời gian qua nên chị không chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của anh S. Chị đề nghị giữ nguyên việc nuôi con như đã thỏa thuận lúc ly hôn.

Do cháu Tr là nữ nên ở cùng chị sẽ tốt hơn ở với anh S nên chị giữ nguyên ý kiến không chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung của anh S.

Với nội dung trên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 08/2020/HNGĐ-ST ngày 25/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện T đã áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn S đối với chị Nguyễn Thị Ch.

Giao cho anh Trần Văn S nuôi dưỡng con chung là Trần Thu Tr, sinh ngày 24/6/2016. Chị Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị Ch thực hiện quyền, nghĩa vụ này. Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ch phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại anh Trần Văn S 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0006170 ngày 09/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 25/3/2020, chị Ch kháng cáo. Nội dung kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu thay đổi nuôi con của anh S, để chị tiếp tục nuôi cháu Trần Thu Tr.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:* Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Ch và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Ch thống nhất trình bày: Chị kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm về việc giao con Trần Thu Tr cho anh S nuôi dưỡng. Với lý do từ khi Tòa án giải quyết ly hôn và giao con cho chị nuôi dưỡng, anh S chưa cấp dưỡng cho chị một đồng nào để nuôi con chung, hiện nay gia đình anh S vẫn đang thuộc hộ nghèo, chị có nghề nghiệp ổn định. Bố mẹ chồng và chồng chị yêu thương chăm sóc cháu Tr. Hiện cháu đang học tập ổn định, phát triển khỏe mạnh về thể chất và tinh thần. Hàng ngày chị là người đưa đón cháu đi học. Mẹ anh S bị bệnh không thể chăm sóc con chung. Từ khi cháu Tr được sinh ra đến nay đều do chị Ch nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh S.

Anh Trần Văn S trình bày: Anh không đồng ý kháng cáo của chị Ch, vì trong thời gian cháu Tr ở với chị Ch, cháu Tr bị ốm nhưng chị Ch không đưa đi bệnh viện chữa bệnh, chị Ch đã tái hôn với người khác nhưng không mang con theo để nuôi dưỡng mà để mẹ đẻ chị nuôi. Anh chưa tái hôn nên anh có thời gian chăm sóc con hơn chị Ch. Anh đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng quy định pháp luật; về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của chị Ch, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh S đối với chị Ch về việc thay đổi nuôi con chung, giao cho chị Nguyễn Thị Chuyên được nuôi dưỡng con chung là Trần Thu Tr, sinh ngày 24/6/2016. Do sửa án sơ thẩm chị Ch không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ch được nộp trong thời hạn quy định của pháp luật và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo đúng quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273; Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6; Điều 27; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Do đó kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ch là hợp lệ và HĐXX chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ch, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự, HĐXX thấy:

Về nuôi con chung: Năm 2018 anh Trần Văn S và chị Nguyễn Thị Ch có giải quyết ly hôn. Tại Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận

của các đương sự 33/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B đã quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, về con chung: Vợ chồng thỏa thuận giao chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Thu Tr, sinh ngày 24/6/2016.

Từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật đến nay chị Ch vẫn nuôi dưỡng cháu Tr, chị Ch làm công nhân thu nhập khoảng 5.000.000đồng/ tháng. Cả chị Ch và anh S đều có nguyện vọng nuôi con. Việc học tập của cháu Tr ổn định, phát triển khỏe mạnh về thể chất và tinh thần. Mặc dù, chị Ch đã tái hôn nhưng chồng chị Ch là anh B và bố mẹ chồng chị Ch là ông Nguyễn Văn Ch1 và bà Nguyễn Thị X đều xác nhận từ khi ở với gia đình chồng chị Ch cháu Tr được mẹ cháu và gia đình quan tâm chăm sóc đầy đủ. Cháu phát triển tốt cả về thể chất và trí tuệ. Cháu thỉnh thoảng có chút biểu hiện bị viêm da cơ địa, bị ngứa mẩn nhưng cơ bản cháu đã được điều trị và đã đỡ. Tuy là, con riêng của chị Ch là con dâu của với gia đình ông bà, nhưng vợ chồng ông bà và anh B đều dành tình cảm và yêu thương, quý mến cháu Tr. Nếu Tòa án quyết định tiếp tục để Chuyên nuôi dưỡng cháu Tr thì gia đình ông bà cũng sẽ yêu thương chăm sóc và dành tình cảm nhiều cho cháu như cháu nội của gia đình ông, bà vì vợ chồng ông bà và anh B cũng luôn dành sự quan tâm đặc biệt cho cháu. Cháu Tr là con gái nên cần ở với mẹ để đảm bảo cho cháu sự phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần.

Mặt khác, từ khi chị Ch nuôi con đến nay anh S chưa cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Ch theo quyết định của Tòa án. Tại biên bản do Ủy ban nhân dân xã Cao X cung cấp thì gia đình anh S đang thuộc diện hộ nghèo. Anh S trình bày chị Ch không đưa cháu Tr đi chữa bệnh, nhưng anh không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào về việc này và chị Ch không thừa nhận, chị xác định vẫn đưa con đi khám và chữa bệnh nhiều nơi nhưng do cháu bị viêm da cơ địa nên không thể khỏi ngay được.

Tại cấp phúc thẩm, chị Ch và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Ch cung cấp được các biên bản xác minh về sổ hộ nghèo và lời trình bày của bố mẹ chồng chị Ch. Do vậy, kháng cáo của chị Ch là có căn cứ cần được xem xét, chấp nhận.

Đối với cấp dưỡng nuôi con chung các bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ nhận định, phân tích trên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 , Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ch. Sửa bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[3].Về án phí : Do anh S thuộc diện hộ nghèo nên anh S được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên chị Nguyễn Thị Ch không phải án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ch. Sửa bản án sơ thẩm. Xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn S đối với chị Nguyễn Thị Ch về việc đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Giao cho chị Nguyễn Thị Ch được nuôi dưỡng con chung là Trần Thu Tr, sinh ngày 24/6/2016.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án không xem xét giải quyết.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh S thực hiện quyền, nghĩa vụ này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Trần Văn S. Trả lại anh Trần Văn S số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng anh S đã nộp tại biên lai số AA/2018/0006171 ngày 09/01/2012 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Ch không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại chị Ch 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/ 0006260 ngày 25 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh B.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- TAND huyện T;
- THADS huyện T;
- Dương sự;
- UBND xã Quế Nham, huyện T ;
- LưuHS, THCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hà**

**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Thu Hiền**

**Ong Thân Thắng**

**Trần Thị Hà**









**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HUYỆN TÂN YÊN**  
**TỈNH BẮC GIANG**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST

Ngày 25/3/2020

V/v: “thay đổi người trực tiếp nuôi con”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Đăng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Kiểm

Ông Lê Thành Nam

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Hương, Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên toà: ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc “tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/3/2020 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Anh Trần Văn S - sinh năm 1987 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn Dinh Thắm, xã Cao X, huyện T, tỉnh B.

2- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ch - sinh năm 1993 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn 284, xã Quế Nham, huyện T, tỉnh B;

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh Trần Văn S trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Ch được Tòa án nhân dân huyện T giải quyết ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 33/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20/3/2018. Khi ly hôn anh chị đã thỏa thuận để chị Ch nuôi dưỡng con chung là Trần Thu Tr - sinh ngày 24/6/2016.

Trong thời gian cháu Tr ở với chị Ch, cháu bị ốm nhưng chị Ch không đưa đi viện chữa bệnh, chị Ch tái hôn với người khác nhưng không mang con theo để nuôi dưỡng mà để cho mẹ đẻ của chị nuôi. Nay anh yêu cầu được thay đổi người nuôi con, anh đề nghị Toà án giao cháu Tr cho anh nuôi dưỡng.

Tại phiên toà, anh S trình bày: Tại thời điểm anh và chị Ch ly hôn, cháu Tr chưa được 36 tháng tuổi nên anh chấp nhận để cháu ở với mẹ. Nay cháu đã hơn 36 tháng tuổi, chị Ch đã tái hôn và đã có con riêng nên không có đủ điều kiện chăm sóc cháu Tr. Còn anh thì chưa tái hôn và có điều kiện chăm sóc cháu nên anh giữ nguyên yêu cầu Toà án giao cháu Tr cho anh trực tiếp nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo, bị đơn là chị Nguyễn Thị Ch trình bày:

Năm 2014, chị kết hôn với anh Trần Văn S và đã có một con chung là Trần Thu Tr – sinh ngày 24/6/2016. Năm 2018, anh chị thuận tình ly hôn và thỏa thuận chị trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Từ đó đến nay, sức khỏe, cuộc sống, học tập của cháu vẫn tốt, không có vấn đề gì. Năm 2019, chị kết hôn với anh Nguyễn

Thanh B, cháu Tr cùng với chị về nhà anh B chung sống. Hiện nay chị làm công nhân thu nhập trên 5.000.000đồng/tháng và có thời gian chăm sóc con, chị cũng mới sinh con chung với anh B tháng 10/2019. Bố mẹ chồng của chị cũng có thời gian giúp chị chăm sóc cháu. Còn anh S không có điều kiện nuôi con đã không cấp dưỡng nuôi con cho chị trong thời gian qua nên chị không chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của anh S. Chị đề nghị giữ nguyên việc nuôi con như đã thỏa thuận lúc ly hôn.

Tại phiên tòa: chị Ch trình bày: do cháu Tr là nữ nên ở cùng chị sẽ tốt ở với anh S nên chị giữ nguyên ý kiến không chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung của anh S..

Đại diện VKSND huyện T phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đều thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giao cháu Tr cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến đề nghị của các đương sự. Căn cứ vào kết quả thảo luận nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: anh S và chị Ch đã ly hôn và thỏa thuận chị Ch được nuôi con chung. Nay anh S khởi kiện chị Ch có nơi cư trú tại thôn 284, xã Quế Nham, huyện T để yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, Tòa án nhân dân huyện T đã thụ lý giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của anh S:

Anh S kết hôn với chị Ch và có con chung là Trần Thu Tr - sinh ngày 24/6/2016. Năm 2018, do anh S và chị Ch bất đồng quan điểm sống, anh chị đã làm thủ tục ly hôn và thỏa thuận chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr do cháu còn nhỏ chưa đến 36 tháng tuổi. Từ đó, chị Ch vẫn nuôi dưỡng cháu như đã thỏa thuận. Nay anh S cho rằng, chị Ch đã tái hôn với người khác và đã có con riêng, chị Ch không mang cháu Tr về nhà chồng mà để cho bà ngoại cháu nuôi nên anh yêu cầu

Tòa án buộc chị Ch phải giao cháu Tr cho anh nuôi dưỡng. Chị Ch không chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con của anh S vì hiện nay chị vẫn nuôi dưỡng cháu Tr bình thường.

HĐXX thấy: Hiện nay, về điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng con chung thì anh S và chị Ch mỗi người một nghề, anh S có cửa hàng sửa xe máy tại nhà, còn chị Ch làm công nhân, anh chị đều có thu nhập khoảng trên dưới 6.000.000đồng/tháng, đều có khả năng dành cho cháu Tr những nhu cầu vật chất cơ bản. Về các điều kiện khác thì anh S hiện nay chưa tái hôn, anh làm việc tại cửa hàng của gia đình sẽ có điều kiện thời gian chăm sóc cháu Tr tốt hơn. Chị Ch đã tái hôn và mới sinh con tháng 10/2019. Chồng chị Ch là anh B đi làm tại tỉnh Cao Bằng không thường xuyên chung sống với chị, anh B cũng có con riêng với người vợ trước nên cũng phải chu cấp cho cháu nên ít có điều kiện giúp đỡ chị Ch chăm sóc cháu Tr. Do vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu thay đổi nuôi con của anh S, giao cháu Tr cho anh nuôi dưỡng để đảm bảo điều kiện tốt nhất chăm sóc cho cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S không yêu cầu chị Ch phải cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết về cấp dưỡng.

[3] Về án phí: Yêu cầu của anh S được chấp nhận nên chị Ch phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn S đối với chị Nguyễn Thị Ch.

Giao cho anh Trần Văn S nuôi dưỡng con chung là Trần Thu Tr - sinh ngày 24/6/2016. Chị Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản

trở chị Ch thực hiện quyền, nghĩa vụ này. Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ch phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại anh Trần Văn S 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0006170 ngày 09/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.